

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2018
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Dá

2/. Ông Dương Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2018/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2018 về: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Nhật B, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Nghị Đ, huyện Tánh L, tỉnh Bình Thuận

2. Bị đơn: Bà Phùng Kiều T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bào C, thị trấn Hưng L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2018 và lời trình bày của nguyên đơn Đặng Nhật B bảo vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn và bị đơn Phùng Kiều T đã kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Nghị Đ, huyện Tánh L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/7/2007. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, kể từ khi sinh con thì tính tình của vợ thay đổi, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra mâu thuẫn, đến đầu năm 2009 vợ bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Trong quá trình

chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Kiều Y sinh ngày 10 tháng 12 năm 2007, từ khi ly thân đến nay con sống với nguyên đơn.

Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn Đặng Nhật B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Phùng Kiều T; về con chung nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đặng Kiều Y sinh ngày 10 tháng 12 năm 2007, không yêu cầu bị đơn T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Phùng Kiều T sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ra Thông báo thụ lý vụ án số 101/TB-TLVA ngày 11/4/2018 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không ghi ý kiến của bị đơn gửi cho Tòa án.

Quan điểm của Viện kiểm sát như sau: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đặng Nhật B giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn Phùng Kiều T; về con chung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Đặng Kiều Y sinh ngày 10 tháng 12 năm 2007 cho nguyên đơn B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử nhận thấy theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Đặng Nhật B yêu cầu giải quyết cho ly hôn với bị đơn Phùng Kiều T nên quan hệ tranh chấp là “tranh chấp ly hôn” theo qui định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và bị đơn Phùng Kiều T có địa chỉ tại ấp Bào C, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn Phùng Kiều T, nhưng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Phùng Kiều T theo qui định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Nhật B Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn và bị đơn Phùng Kiều T đã kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Nghi Đ, huyện Tánh L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/7/2007 theo qui định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nên hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2009 đến nay. Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bị đơn Phùng Kiều T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho nguyên đơn Đặng Nhật B được ly hôn với bị đơn Phùng Kiều T.

[4] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có một con chung là cháu Đặng Kiều Y sinh ngày 10 tháng 12 năm 2007, từ khi vợ chồng ly thân vào năm 2009 đến nay cháu Đặng Kiều Y sống chung với nguyên đơn nên có tình cảm và gắn bó với nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và tại biên bản ghi ý kiến cháu Y có nguyện vọng muốn được sống với cha nếu cha mẹ ly hôn, nên Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Đặng Kiều Y sinh ngày 10 tháng 12 năm 2007 cho nguyên đơn Đặng Nhật B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Nguyên đơn Đặng Nhật B không yêu cầu bị đơn Phùng Kiều T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Đặng Nhật B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Nhật B.

1. Nguyên đơn Đặng Nhật B được ly hôn với bị đơn Phùng Kiều T .
2. Về con chung: Giao cháu Đặng Kiều Y sinh ngày 10 tháng 12 năm 2007 cho nguyên đơn Đặng Nhật B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bị đơn Phùng Kiều T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn Phùng Kiều T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Đặng Nhật B phải chịu là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009180 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Nghị Đức, huyện Tánh Linh, Tỉnh Bình Thuận
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Nguyễn Hoàng Thành

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Nguyễn Hoàng Thành